

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 11 năm 2022

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 557/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Thi Hồng G; Sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã An X, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

** Bị đơn:* Anh Phan Văn G; Sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã An X, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

Nguyên đơn có mặt; Bị đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Chị Thi Hồng G trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:*

Chị và anh Phan Văn G sống chung với nhau khoảng năm 2001 cho đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã không sống chung 04 tháng nay. Mặc dù gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Nay chị G xin ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 02 người con chung cháu Phan Thị Huỳnh N, sinh ngày 22/11/2002 và cháu Phan Hoài B, sinh ngày 20/11/2005. Hiện cháu N đã trưởng thành không yêu cầu, riêng cháu B sống chung với chị G, khi ly hôn chị G yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị G khai không có.

Về nợ chung: Chị G khai không nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

**Anh Phan Văn G trình bày tại biên bản hòa giải như sau:*

Về thời gian sống chung nhưng vợ, chồng không đăng ký kết hôn theo quy định, mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị G trình bày. Nay chị G yêu cầu ly hôn anh G đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung cháu Phan Thị Huỳnh N, sinh ngày 22/11/2002 và cháu Phan Hoài B, sinh ngày 20/11/2005. Hiện cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu, riêng cháu B sống chung với chị G, khi ly hôn chị G yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh G đồng ý giao con cho chị G nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh G khai không có.

Về nợ chung: Anh G khai không nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

Anh G xin được hòa giải và xét xử vắng mặt tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phan Văn G xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng.

[3] Về hôn nhân: Chị G và anh G xác lập mối quan hệ vợ chồng trên tinh thần tự nguyện từ năm 2001, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Lý do chị G xin ly hôn là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Xét thấy tình cảm giữa anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc gia đình. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không công nhận chị G và anh G là vợ chồng.

[3] Về con chung: anh, chị có 02 người con chung cháu Phan Thị Huỳnh N, sinh ngày 22/11/2002 và cháu Phan Hoài B, sinh ngày 20/11/2005.

Hiện cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu, riêng cháu B sống chung với chị G, khi ly hôn chị G yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh G đồng ý giao con cho chị G nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Việc thỏa thuận giao con đối với anh, chị là phù hợp do, cháu B hiện sống cùng với chị G cho nên, tiếp tục giao cháu B cho chị G nuôi dạy. Chị G không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nên không xem xét đến.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh G, chị G khai không nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 8, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Thi Hồng G với anh Phan Văn G là vợ chồng.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phan Hoài B, sinh ngày 20/11/2005 cho chị G nuôi dạy.

Anh Phan Văn G không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom chăm sóc, nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Thi Hồng G phải nộp 300.000 đồng. Ngày 12/10/2022 chị G đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002152 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai chị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Phan Văn G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Tòa án Tp Cà Mau.

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm